TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2018
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kiểm.
2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Đức Minh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị **Đặng Thị Th**; sinh năm 1992 *(có mặt)*
Địa chỉ : Thôn Ph G, xã C T, huyện Phù Cát, Bình Định.

Bị đơn : Anh **Nguyễn Văn Th1**; sinh năm 1984 *(có mặt)*
Địa chỉ : Thôn A Đ, xã C Tr, huyện Phù Cát, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện 21/02/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C Tr, huyện Phù Cát vào ngày 02/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại gia đình anh Th1 ở thôn A Đ, xã C Tr, huyện Phù Cát. Cuộc sống hôn

nhân lúc đầu hạnh phúc bình thường. Đến tháng 3/2015 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th1 thường xuyên uống rượu rồi về nhà vô cớ đánh đập chị. Mặc dù gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Th1 không thay đổi lối sống mà tiếp tục đánh đập chị nhiều lần và đuổi chị ra khỏi nhà. Không chịu đựng được lối sống vũ phu của anh Th1, từ tháng 5/2015 chị bồng đứa con đầu bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở thôn Ph G, xã C T, huyện Phù Cát sinh sống trong tình trạng đang mang thai đứa con thứ 2. Từ đó, chị và anh Th1 sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Sau khi sống ly thân với anh Th1, chị tự sinh con, tự chăm sóc cho bản thân và các con. Anh Th1 bỏ quê vào thành phố Hồ Chí Minh, Vùng Tàu, Lâm Đồng mua bán làm ăn, không quan tâm đoái hoài gì đến chị và các con. Thỉnh thoảng anh Th1 có về quê nhưng cũng không có trách nhiệm gì với các con của mình.

Nay chị nhận thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nhưng cả hai không còn biện pháp nào để hòa giải mâu thuẫn. Giữa chị và anh Th1 cũng không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Th1.

* Về con chung: Chị với anh Th1 có 02 người con chung là các cháu: Nguyễn Văn T - sinh ngày 14/7/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Trà M - sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay sức khỏe các con đang phát triển bình thường và đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th1 thì nguyện vọng của chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh Th1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 trình bày*:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị Th về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc bình thường khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên có lời qua tiếng lại. Lúc cãi vả qua lại, do tình tình nóng nảy nên anh không kiềm chế được cảm xúc và có dùng tay đánh chị Th nhiều lần. Từ năm 2015, chị Th bồng con về nhà cha mẹ ruột của mình ở và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, giữa vợ và chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do vậy, nay chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

* Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 14/7/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Trà M - sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay sức khỏe của các con

đang phát triển bình thường, do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T; giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M cho chị Th nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

* Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Kèm theo đơn khởi kiện, chị Đặng Thị Th cung cấp các tài liệu chứng cứ sau: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị Th, bản gốc giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn Th1, bản sao giấy khai sinh của các cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Ngọc Trà M – là con chung giữa chị và anh Th1.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được gồm có: Biên bản lấy lời khai của các đương sự; Biên bản xác minh tại Hội Phụ nữ xã C T, huyện Phù Cát; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th1, đồng thời yêu cầu giải quyết việc tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Đây là trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị Th được chấp nhận.

[2] – Về nội dung tranh chấp: Chị Đặng Thị Th với anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C Tr, huyện Phù Cát vào ngày 02/8/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th với anh Th1 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn chị Th trình bày, sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh Th1 hạnh phúc bình thường đến tháng 3/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Th1 không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu rồi về nhà vô cớ đánh đập chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh Th1 vẫn không thay đổi lối sống mà tiếp tục đánh đập chị nhiều lần và đuổi chị ra khỏi nhà. Không chịu đựng được lối sống

vũ phu của anh Th1, từ tháng 5/2015 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở thôn Ph G, xã C T, huyện Phù Cát sinh sống. Từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th1. Bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và thừa nhận có đánh đập chị Th nhiều lần. Từ năm 2015 đến nay anh và chị Th sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng mà cả hai không có biện pháp nào để hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

[2.1] Xét việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh Th1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh Th1 thống nhất, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 14/7/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Trà M - sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay sức khỏe của các con đang phát triển bình thường, do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi thỏa thuận thuận tình ly hôn, cả chị Th và anh Th1 đều tranh chấp việc nuôi con. Chị Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Th1 thì yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T; giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M cho chị Th nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét việc tranh chấp nuôi con giữa chị Th và anh Th1, HĐXX thấy rằng: Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Theo nội dung biên bản xác minh ngày 14/3/2018 tại Hội Phụ nữ xã C T, huyện Phù Cát thì sau khi vợ chồng chị Th, anh Th1 phát sinh mâu thuẫn, chị Th bồng con về nhà cha mẹ ruột của mình ở thôn Ph G, xã C T sinh sống trong tình trạng đang mang thai đứa con thứ hai. Nhưng sau khi chị Th sinh con, anh Th1 bỏ mặc vợ và các con, không quan tâm, chăm sóc. Từ đó cho đến nay anh Th1 cũng không có trách nhiệm gì với các con của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2018 anh Th1 cũng thừa nhận từ khi chị Th sinh đứa con thứ hai, do điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân anh phải đi mua bán, làm ăn ở xa nên không có điều kiện thường xuyên thăm nom, chăm sóc các con chu đáo. Mặc dù tranh chấp nuôi con, nhưng nếu được Tòa án giao cháu Nguyễn Văn T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì anh Th1 cũng thừa nhận là không có điều kiện trực tiếp nuôi con mà phải giao cháu cho bà nội nuôi dưỡng, hàng tháng anh gửi tiền về chu cấp cho con ăn học. Yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con của anh Th1 là không đảm bảo về quyền và nghĩa vụ của con chưa thành niên. Thực tế, hiện nay chị Th có việc làm và thu nhập ổn định. Từ năm 2016 đến nay, mặc dù anh Th1 thiếu sự quan tâm chăm sóc các con, nhưng chị Th vẫn đảm bảo những nhu

cầu thiết yếu trong cuộc sống cho các cháu. Do vậy, HĐXX xét giao cả 02 cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 14/7/2014 và Nguyễn Ngọc Trà M - sinh ngày 29/01/2016 cho chị Th tiếp tục được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình – 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Th không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Th và anh Th1 không tranh chấp nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, chị Đặng Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 đều phải chịu án phí khi thỏa thuận ly hôn, nhưng chị Th1 tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Th về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Th1.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Đặng Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1.

[1.2] Về quan hệ con chung:

+ Chị Đặng Thị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 14/7/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Trà M - sinh ngày 29/01/2016 .

+ Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các bên không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Án phí DSST: Chị Đặng Thị Th tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm chục nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006700 ngày 26/02/2018 chị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát hoàn trả cho chị Th 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai nêu trên.

[3] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- VKSND huyện Phù Cát;
- UBND xã C Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến